

Số: 155/2020/NQ-HĐND

Bảo Lâm, ngày 24 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số danh mục đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM
KHÓA IV KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 1614/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân huyện Bảo Lâm về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số danh mục
đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch đầu tư công năm
2020;*

*Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế xã hội Hội đồng nhân dân
huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí điều chỉnh, bổ sung một số danh mục đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung một số danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn
2016 – 2020.

(Số liệu chi tiết các nguồn vốn, dự án như biểu số 01 đính kèm)

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020.

(Số liệu chi tiết các nguồn vốn, dự án như biểu số 02 đính kèm)

3. Các nội dung khác về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 –
2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 không điều chỉnh tại Nghị quyết này
thực hiện theo các Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm
2018 của Hội đồng nhân dân huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh, bổ

sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 80/2020/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung một số danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 128/2019/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2020.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm:

1. Căn cứ Nghị quyết này thực hiện điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020; điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020.

2. Chỉ đạo các đơn vị, các chủ đầu tư triển khai thực hiện thủ tục đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bảo Lâm khóa IV, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (B/C);
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở KH và ĐT;
- TT. Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- Đoàn đại biểu HĐND tỉnh đơn vị Bảo Lâm;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng ban thuộc huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Trung tâm Văn hoá và Truyền thông huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nông Bế Chuyên

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MỘT SỐ DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số: 155/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND huyện Bảo Lâm)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 29/6/2018	Theo Nghị quyết số 80/2020/NQ-HĐND ngày 26/6/2020	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
				Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6
A	Nguồn cân đối NSDP	5.695,000	6.504,644	5.452,939	650,780	11.306,803	
I	Dự án khởi công mới	5.695,000	6.504,644	5.452,939	650,780	11.306,803	
1	Sửa chữa, nâng cấp đài truyền hình huyện	1.995,000	2.690,000		392,216	2.297,784	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
2	Khu căn cứ chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Lâm	1.000,000	1.000,000		100,411	899,589	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
3	Trụ sở làm việc xã Nam Cao, huyện Bảo Lâm	2.700,000	2.700,000		158,153	2.541,847	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
4	Trường mầm non Lý Bôn, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			2.208,369		2.208,369	Điều chỉnh tăng theo TMDĐT được duyệt, do dự án được bố trí từ nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn
5	Trường mầm non Thái Học, xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng		114,644	3.244,570		3.359,214	Điều chỉnh tăng theo TMDĐT được duyệt, do dự án được bố trí từ nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn
B	Các chương trình mục tiêu quốc gia	132.006,392	149.258,553	14.376,819	4.862,754	158.772,618	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững - NQ30a	81.069,805	97.718,688	2.785,955	2.126,070	98.378,573	
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020	8.089,805	10.182,882	0,000	7,039	10.175,843	
	Đường GTNT Nà Làng (Mông An) - Nà Nàng (Thái Sơn), Bảo Lâm	8.089,805	10.182,882		7,039	10.175,843	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
b	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020	72.980,000	87.535,806	2.785,955	2.119,031	88.202,730	
1	Cải tạo nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Bản Bó, xã Thái Học, huyện Bảo Lâm	5.000,000	4.447,473		491,561	3.955,912	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
2	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Bản Bó - UBND xã Thái Sơn	8.000,000	8.000,000		388,176	7.611,824	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán

STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 29/6/2018	Theo Nghị quyết số 80/2020/NQ-HĐND ngày 26/6/2020	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
				Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6
3	Đường GTNT Phiêng Pèn - Phiêng Lùng - Nà Mí, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm (Thuộc tuyến đường Nà Pông - Phiêng Pèn - Phiêng Dăm - Pác Ngâm; Lý trình km7+332,5m đến km 16)	13.350,000	13.350,000	87,338		13.437,338	Điều chỉnh tăng để thanh toán khối lượng thực tế hoàn thành
4	Đường GTNT Tổng Ngòi - Nà Luông - Nà Kiêng - Phiêng Phát - Lũng Kim - Tổng Chảo, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm	14.830,000	13.111,096	616,658		13.727,754	Điều chỉnh tăng để thanh toán khối lượng thực tế hoàn thành
5	Chợ Khuổi Vín, xã Lý Bôn	3.000,000	2.790,000		243,811	2.546,189	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
6	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT QL34 - Tân Việt - Nam Quang	7.000,000	7.000,000		554,969	6.445,031	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
7	Cấp điện lưới quốc gia xóm Bàn Phườn - Nặm Tăn, xã Vinh Phong	5.800,000	5.547,707		132,901	5.414,806	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
8	Cấp điện lưới quốc gia xóm Khuổi Đuốc - Nặm Trá - Nà Lốm, xã Thái Sơn	9.000,000	6.834,966		125,955	6.709,011	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
9	Cấp điện lưới quốc gia xóm Pịa Cọ - Bàn Bung, xã Nam Cao	7.000,000	6.904,593		181,658	6.722,935	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
10	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT QL34 - Tân Việt - Nam Quang (Đoạn xóm Nà Pù, xã Tân Việt - Trường mầm non Nam Quang, xã Nam Quang)		5.300,000	195,957		5.495,957	Điều chỉnh tăng theo TMBĐT dự án được duyệt
11	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Bản Bó - UBND xã Thái Sơn (Đoạn Bản Ràn - Trường tiểu học Nà Sưa chữa, nâng cấp đường GTNT Quảng Lâm - Thạch Lâm (Đoạn xóm Nà Thản - UBND xã Thạch Lâm)		8.300,000	102,234		8.402,234	Điều chỉnh tăng theo TMBĐT dự án được duyệt
12	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Quảng Lâm - Thạch Lâm (Đoạn xóm Nà Thản - UBND xã Thạch Lâm)		5.949,971	1.783,768		7.733,739	Điều chỉnh tăng theo TMBĐT dự án được duyệt
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững - CT 135	19.495,587	19.495,587	8.105,177	892,089	26.708,675	
1	Các dự án không áp dụng cơ chế đặc thù	19.495,587	19.495,587	8.105,177	892,089	26.708,675	
a	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	12.074,974	12.074,974	0,000	630,128	11.444,846	
1	Đường GTNT Phiêng Diềm - Pịa Tráng, xã Vĩnh Phong (Giai đoạn II), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2.936,553	2.936,553		120,349	2.816,204	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
2	Trường tiểu học Mông Ân, xã Mông Ân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	3.174,952	3.174,952		45,908	3.129,044	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán

STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 29/6/2018	Theo Nghị quyết số 80/2020/NQ-HĐND ngày 26/6/2020	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
				Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6
3	Phân trường Nà Lâu, trường tiểu học Nà Hiên, xã Vĩnh Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2.668,954	2.668,954		25,787	2.643,167	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
4	Trạm y tế xã Đức Hạnh	1.453,000	1.453,000		399,479	1.053,521	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
5	Thủy Lợi Nà Giàng - Bản Cau, xóm Cốc Phung, xã Đức Hạnh	1.841,515	1.841,515		38,605	1.802,910	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020	6.157,613	6.157,613	201,713	212,221	6.147,105	
1	Trường tiểu học Bản Bung, Nam Cao	2.890,613	2.890,613		30,508	2.860,105	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
2	Thủy Lợi Phiêng Đổng, xóm Khau Cườm, xã Vĩnh Quang	1.204,000	1.204,000		181,713	1.022,287	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
3	Thủy Lợi Phiêng Lốm - Nà Luông, xã Quảng Lâm	2.063,000	2.063,000	201,713		2.264,713	Điều chỉnh tăng theo TMDT dự án được duyệt và khối lượng thực tế hoàn thành
c	Dự án khởi công mới năm 2020	1.263,000	1.263,000	7.903,464	49,740	9.116,724	
1	Thủy Lợi Phiêng Mặng, xã Mông Ân	547,000	547,000		21,974	525,026	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
2	Thủy Lợi Khuổi Ngầu, xã Thái Học	716,000	716,000		27,766	688,234	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
3	Điện sinh hoạt xóm Ngâm Vây, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			3.633,000		3.633,000	Điều chỉnh, bổ sung do dự án được đầu tư bằng nguồn dự phòng chương trình MTQG GNBV
4	Điện sinh hoạt xóm Khẩu Cắm, xã Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng			3.782,891		3.782,891	Điều chỉnh, bổ sung do dự án được đầu tư bằng nguồn dự phòng chương trình MTQG GNBV
5	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Quảng Lâm - Thạch Lâm (Đoạn xóm Nà Thần - UBND xã Thạch lâm)			487,573		487,573	Điều chỉnh tăng theo TMDT được duyệt, dự án sử dụng lòng ghep các nguồn vốn
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới	31.441,000	32.044,278	3.485,687	1.844,595	33.685,370	
1	Danh mục dự án không thực hiện theo cơ chế	31.441,000	32.044,278	3.485,687	1.844,595	33.685,370	

STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 29/6/2018	Theo Nghị quyết số 80/2020/NQ-HĐND ngày 26/6/2020	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
				Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6
*	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	-	-	520,575	-	520,575	
1	Đường GTNT Bàn Rân - Cốc Cam, xã Thái Học, huyện Bảo Lâm			520,575		520,575	Điều chỉnh tăng thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020	31.441,000	30.531,130	291,228	1.844,595	28.977,763	
1	Cấp điện lưới quốc gia xóm Nà Cút - Cốc Vạn, xã Thái Học	4.950,000	4.404,198	291,228		4.695,426	Điều chỉnh tăng để thanh toán khối lượng thực tế hoàn thành
2	Mương thủy lợi Bàn Vàng, xã Yên Thỏ	2.292,000	2.362,000		267,033	2.094,967	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
3	Mương Nà Pom, xóm Nà Piao, xã Vĩnh Quang	2.400,000	2.330,587		174,051	2.156,536	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
4	Đường Khuổi Duốc - Nà Lóm, xã Thái Sơn	4.021,000	4.021,000		255,500	3.765,500	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
5	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT QL34 - UBND xã Quảng Lâm	4.970,000	4.967,685		60,256	4.907,429	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
6	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Quảng Lâm - Thạch Lâm	4.970,000	4.607,660		52,367	4.555,293	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
7	Chợ Vĩnh Phong, xã Vĩnh Phong	3.193,000	3.193,000		883,214	2.309,786	Điều chỉnh giảm theo TMDT được duyệt và khối lượng thực tế thanh toán
8	Đường GTNT Nà Đăng - Khuổi Qua - Khuổi Hấu (xã Tân Việt) - Nà Ó (xã Thạch Lâm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	4.645,000	4.645,000		152,174	4.492,826	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
*	Dự án khởi công mới năm 2020	-	1.513,148	2.673,884	-	4.187,032	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Quảng Lâm - Thạch Lâm (Đoạn xóm Nà Thần - UBND xã Thạch Lâm)		1.513,148	2.673,884		4.187,032	Điều chỉnh tăng theo TMDT được duyệt, dự án sử dụng lồng ghép các nguồn vốn

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 HUYỆN BẢO LÂM
(Kèm theo Nghị quyết số: 155 /2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND huyện Bảo Lâm)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 128/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5
A	Nguồn cân đối NSDP	9.129,555	698,384	698,384	9.129,555	
1	Sửa chữa, nâng cấp đài truyền hình huyện	2.690.000		392.216	2.297.784	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
2	Trụ sở làm việc xã Nam Cao, huyện Bảo Lâm	1.070.000		116.153	953.847	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
3	Khu căn cứ chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Lâm	615.000		190.015	424.985	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán
4	Trường mầm non Lý Bôn, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	1.700.000	508,369		2.208,369	Điều chỉnh tăng để thanh toán khối lượng thực tế hoàn thành
5	Trường mầm non Thái Học, xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	3.054,555	190,015		3.244,570	Điều chỉnh tăng để thanh toán khối lượng thực tế hoàn thành
B	Các chương trình mục tiêu quốc gia					
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững - NQ30a	64.888,547	13.574,849	13.884,926	64.578,470	
a	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	4.507,348	0,000	310,077	4.197,271	
1	Kè chống xói lở trường PTCS Đức Hạnh	1.675,000		68,150	1.606,850	Điều chỉnh giảm số vốn hết nhu cầu chi, thu hồi nợ Ngân sách tỉnh
2	Dự án ĐCĐC xóm Năm Tàu - Sóc Ngà, xã Thạch Lâm	2.823,000		232,579	2.590,421	Điều chỉnh giảm số vốn hết nhu cầu chi, thu hồi nợ Ngân sách tỉnh
3	Dự án ĐCĐC xóm Lũng Liềm, xã Yên Thổ	9,348		9,348	-	Điều chỉnh giảm số vốn hết nhu cầu chi, thu hồi nợ Ngân sách tỉnh
b	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	-	2.566,628	-	2.566,628	
1	Đường GTNT Nà Láng (Mông An) - Nà Nàng (Thái Sơn), huyện Bảo Lâm		2.086,038		2.086,038	Điều chỉnh tăng để thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB theo kết luận thanh tra sở KHĐT
2	Đường GTNT Khau Sáng, Vĩnh Quang (Bảo Lâm) - Kim Cúc (Bảo Lạc)		480,590		480,590	Điều chỉnh tăng để thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB theo kết luận KTN năm 2017
c	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020	31.190,000	248,490	11.397,218	20.041,272	

STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 128/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019	Điều chỉnh			Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm			
A	B	1	2	3	4	5	
1	Đường GTNT Phiêng Pèn - Phiêng Lũng - Nà Mí, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm (Thuộc tuyến đường Nà Pòng - Phiêng Pèn - Phiêng Dăm - Pác Ngâm; Lý trình km7+332,5m đến km 16)	8.000,000		113,010	7.886,990	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán	
2	Đường GTNT Nà Đẳng - Khuổi Qua - Khuổi Hấu (xã Tân Việt) - Nà Ó (xã Thạch Lâm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	1.170,000		1.170,000	-	Điều chỉnh giảm do đến hết 31/12/2019 dự án đã bố trí đủ kế hoạch vốn	
3	Đường GTNT Tông Ngơang - Nà Luông - Nà Kiếng - Phiêng Phát - Lũng Kim - Tông Chảo, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm	5.830,000		2.287,973	3.542,027	Điều chỉnh giảm do đến hết 31/12/2019 dự án đã được điều chỉnh tăng vốn từ các dự án khác	
4	Cải tạo nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Bản Bó, xã Thái Học, huyện Bảo Lâm	1.300,000		1.020,561	279,439	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán	
5	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Bản Bó - UBND xã Thái Sơn	1.200,000		388,176	811,824	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thanh toán	
6	Chợ Khuổi Vin, xã Lý Bôn	90,000	248,490		338,490	Điều chỉnh tăng theo TMDT dự án được duyệt và khối lượng thực tế hoàn thành	
7	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT QL34 - Tân Việt - Nam Quang	3.000,000		2.312,305	687,695	Điều chỉnh giảm do đến hết 31/12/2019 dự án đã được điều chỉnh tăng vốn từ các dự án hết nhu cầu	
8	Cấp điện lưới quốc gia xóm Bản Phườn - Nặm Tân, xã Vinh Phong	2.800,000		952,293	1.847,707	Điều chỉnh giảm do đến hết 31/12/2019 dự án đã được điều chỉnh tăng vốn từ các dự án khác	
9	Cấp điện lưới quốc gia xóm Khuổi Duốc - Nặm Trá - Nà Lóm, xã Thái Sơn	3.800,000		875,835	2.924,165	Điều chỉnh giảm do đến 31/12/2019 dự án đã được điều chỉnh tăng vốn từ các dự án khác	
10	Cấp điện lưới quốc gia xóm Phía Cọ - Bản Bung, xã Nam Cao	4.000,000		2.277,065	1.722,935	Điều chỉnh giảm do đến 31/12/2019 dự án đã được điều chỉnh tăng vốn từ các dự án khác	
d	Dự án KCM năm 2020	29.191,199	10.759,731	2.177,631	37.773,299		
1	Điện sinh hoạt xóm Phiêng Phát, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	7.000,000		340,000	6.660,000	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	
2	Điện sinh hoạt xóm Pác Rà, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	5.300,000		1.290,000	4.010,000	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	
3	Điện sinh hoạt xóm Nà Mầu, xã Mông Ân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	5.200,000		37,631	5.162,369	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	



STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 128/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5
4	Điện sinh hoạt xóm Ngâm Vây, xã Yên Thố, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	819,000		510,000	309,000	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
5	Sửa chữa, nâng cấp đường GINT QL34 - Tân Việt - Nam Quang (Đoạn xóm Nà Pù, xã Tân Việt - Trường mầm non Nam Quang, xã Nam Quang)	2.000,000	3.495,957		5.495,957	Điều chỉnh tăng theo TMDT dự án được duyệt
6	Sửa chữa, nâng cấp đường GINT Bán Bó - UBND xã Thái Sơn (Đoạn Bán Ràn - Trường tiểu học Nà	5.000,000	3.402,234		8.402,234	Điều chỉnh tăng theo TMDT dự án được duyệt
7	Sửa chữa, nâng cấp đường GINT Quảng Lâm - Thạch Lâm (Đoạn xóm Nà Thản - UBND xã Thạch	3.872,199	3.861,540		7.733,739	Điều chỉnh tăng theo TMDT dự án được duyệt
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững - CT 135	11.827,128	1.023,411	1.023,411	11.827,128	
1	Các dự án không áp dụng cơ chế đặc thù	11.827,128	1.023,411	1.023,411	11.827,128	
a	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	-	369,693	-	369,693	
1	Đường GINT Phiêng Diềm - Phía Tráng, xã Vĩnh Phong (Giai đoạn II), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao		147,340		147,340	Điều chỉnh tăng để thanh toán chi phí kiểm toán BCQT, chi phí thẩm tra QTDAHT
2	Trường tiểu học Mông An, xã Mông An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng		76,649		76,649	Điều chỉnh tăng để thanh toán chi phí kiểm toán BCQT, chi phí thẩm tra QTDAHT
3	Phân trường Nà Lấu, trường tiểu học Nà Hiên, xã Vĩnh Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng		65,615		65,615	Điều chỉnh tăng để thanh toán chi phí kiểm toán BCQT, chi phí thẩm tra QTDAHT
4	Trạm y tế xã Đức Hạnh		38,521		38,521	Điều chỉnh tăng để thanh toán chi phí kiểm toán BCQT, chi phí thẩm tra QTDAHT
5	Thủy Lợi Nà Giảng - Bán Cau, xóm Cốc Phung, xã Đức Hạnh		41,568		41,568	Điều chỉnh tăng để thanh toán chi phí kiểm toán BCQT, chi phí thẩm tra QTDAHT
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020	2.733,128	166,145	558,562	2.340,711	
1	Mương thủy lợi Khuổi Sáp, xã Yên Thố, giai đoạn II	190,000		190,000	-	Điều chỉnh giảm do dự án không còn nhu cầu vốn
2	Trường tiểu học Bán Bụng, Nam Cao	475,000		97,508	377,492	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
3	Đường GINT Tổng Phườn - Nặm Ròm - Nà Viêng, xã Nam Quang, GD III	774,128		181,138	592,990	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án

STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 128/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019	Điều chỉnh			Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm			
A	B	1	2	3	4	5	
4	Thủy lợi Phiêng Diêng, xóm Khau Cướm, xã Vĩnh Quang	118,000		89,916	28,084	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	
5	Thủy lợi Phiêng Lóm - Nà Luông, xã Quảng Lâm	1.176,000	166,145		1.342,145	Điều chỉnh tăng theo TMDT dự án được duyệt và khối lượng thực tế hoàn thành	
c	Dự án khởi công mới năm 2020	9.094,000	487,573	464,849	9.116,724		
1	Thủy lợi Phiêng Mêng, xã Mông Ân	546,000		20,974	525,026	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	
2	Thủy lợi Khuổi Ngẫu, xã Thái Học	715,000		26,766	688,234	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	
3	Điện sinh hoạt xóm Ngảm Vây, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	3.833,000		200,000	3.633,000	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	
4	Điện sinh hoạt xóm Khâu Cắm, xã Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	4.000,000		217,109	3.782,891	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	
5	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Quảng Lâm - Thạch Lâm (Đoạn xóm Nà Thần - UBND xã Thạch Lâm)		487,573		487,573	Điều chỉnh tăng theo TMDT dự án được duyệt	
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới	30.094,200	4.899,241	4.899,241	30.094,200		
III.1	Các dự án không thực hiện theo cơ chế đặc thù	30.094,200	4.899,241	4.899,241	30.094,200		
a	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	-	520,775	-	520,775		
1	Đường GTNT Bản Ràn - Cốc Cam, xã Thái Học, huyện Bảo Lâm		520,775		520,775	Điều chỉnh tăng thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản	
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020	27.742,200	191,434	4.855,694	23.077,940		
1	Trạm y tế xã Đức Hạnh	260,000	191,434		451,434	Điều chỉnh tăng để thanh toán khối lượng thực tế hoàn thành	
2	Cấp điện lưới quốc gia xóm Nà Cừ - Cốc Vạn, xã Thái Học	2.350,000		254,574	2.095,426	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	
3	Mương thủy lợi Nà Mon, xã Nam Cao	1.101,000		1.061,873	39,127	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án	

STT	Nội dung	Theo Nghị quyết số 128/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5
4	Mương thùy lợi Bán Vàng, xã Yên Thổ	1.277,200		278,932	998,268	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
5	Thùy lợi Khau Trù, xã Mông Ân	1.889,000		646,547	1.242,453	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
6	Mương Túng, xóm Nà Piao, xã Vĩnh Quang	1.449,000		162,677	1.286,323	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
7	Mương Nà Pom, xóm Nà Piao, xã Vĩnh Quang	1.200,000		258,464	941,536	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
8	Mương thùy lợi Thẩm Siêm, xã Nam Quang	1.500,000		174,151	1.325,849	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
9	Mương thùy lợi Nà Hếng, xã Nam Quang	1.176,000		250,176	925,824	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
10	Đường Khuổi Đuốc - Nà Lóm, xã Thái Sơn	2.202,000		255,634	1.946,366	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
11	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT QL34 - UBND xã Quảng Lâm	3.330,000		62,571	3.267,429	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
12	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Quảng Lâm - Thạch Lâm	3.370,000		414,707	2.955,293	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
13	Chợ Vĩnh Phong, xã Vĩnh Phong	1.993,000		883,214	1.109,786	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
14	Đường GTNT Nà Đẳng - Khuổi Qua - Khuổi Hâu (xã Tân Việt) - Nà Ó (xã Thạch Lâm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	4.645,000		152,174	4.492,826	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
c	Các dự án khởi công mới năm 2020	2.352,000	4.187,032	43,547	6.495,485	
1	Thùy Lợi Khau Lạ A, xã Mông Ân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	1.291,000		29,600	1.261,400	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
2	Đường GTNT Chè Lý A - Đình Phà, xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	1.061,000		13,947	1.047,053	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế hoàn thành, nhu cầu vốn của dự án
3	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT Quảng Lâm - Thạch Lâm (Đoạn xóm Nà Thần - UBND xã Thạch Lâm)		4.187,032		4.187,032	Điều chỉnh tăng theo TMDT dự án được duyệt